TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 – HUẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 294/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 30/7/2026.
V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Anh Nga.
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Xuân Hương và ông Phạm Lãng .
- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Ngọc Trinh, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Huế.
***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Huế tham gia phiên tòa*:** Bà Dương Thị Thảo Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2026, tại Tòa án nhân dân khu vực 4 - Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 194/2026/TLST-HNGĐ ngày 11/5/2026, về việc: "Ly hôn". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 105/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/7/2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị T1, Thi Thuy V; sinh năm 2002. Hộ chiếu số: A06329834 do Bộ N, cấp ngày 31/5/2022. Địa chỉ: A SW 103rd CT, C, Florida, 33157, Hoa Kỳ. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền (nộp đơn khởi kiện, nhận văn bản tố tụng): Chị Nguyễn Thị Tường V1, sinh năm 2000. Căn cước công dân số: 049300010848, cấp ngày 29/3/2025. Địa chỉ: Số D M, phường H, thành phố Đà Nẵng (Giấy ủy quyền ngày 02/4/2026).

2. Bị đơn: Anh Mai Công T, sinh năm 1995. Căn cước công dân số: 046095005136, cấp ngày 15/4/2022 tại Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội thuộc Bộ C. Địa chỉ: Thôn A, xã V, thành phố H. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 02/4/2026 và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn chị T1, Thi Thuy V trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị T1, T V và anh M Công Thức tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là xã P, thành phố H) ngày 18/5/2023. Sau khi kết hôn chị V trở lại Hoa Kỳ sinh sống còn anh T ở Việt Nam. Thời gian đầu hai người vẫn giữ liên lạc với nhau vui vẻ, hạnh phúc. Tuy nhiên đến khoảng tháng 12/2025 thì hai người phát sinh mâu thuẫn,

nguyên nhân là do hai người ở xa nhau nên không quan tâm chăm sóc nhau, tình cảm dần phai nhạt. Hai người ngày càng ít liên lạc với nhau. Nay chị V xác đình mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, nên chị V khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh M Công Thức. Chị V đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải.

Về con chung: Chị T1, Thi Thuy V trình bày vợ chồng không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị T1, Thi Thuy V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kèm theo đơn khởi kiện, nguyên đơn đã nộp các tài liệu, chứng cứ gồm: Bản chính giấy chứng nhận kết hôn; 01 bản dịch Hộ chiếu; Đơn từ chối lựa chọn Hòa giải viên có xác nhận của T2; Giấy ủy quyền có xác nhận của Tổng Lãnh sự quán; Bản sao căn cước của người được ủy quyền chị Nguyễn Thị Tường V1; 01 bản sao căn cước công dân anh T.

Tại bản trình bày ý kiến ngày 27/5/2026 và quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh M Công Thức trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Mai Công T và chị T1, Thi Thuy V quen nhau qua mai mối và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là xã P, thành phố H) ngày 18/5/2023. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau được khoảng một tháng thì chị V quay trở lại Hoa Kỳ để sinh sống và làm việc, còn anh T ở lại Việt Nam. Thời gian đầu vợ chồng vẫn giữ liên lạc qua điện thoại. Tuy nhiên do khoảng cách về địa lý và thời gian nên hai người ngày càng ít liên lạc nên không có tiếng nói chung. Từ đó, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, không quan tâm đến nhau, mặc ai người đó sống. Nay mâu thuẫn vợ chồng không khắc phục được, tình cảm vợ chồng không còn nên anh T đồng ý ly hôn chị T1, Thi Thuy V. Đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải.

Về con chung: Anh T trình bày vợ chồng không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, đương sự: Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật; thủ tục tố tụng được tiến hành đảm bảo đúng quy định từ Điều 93 đến Điều 97 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị T1, Thi Thuy V, buộc nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn chị Chị T1, Thi Thuy V, bị đơn anh M Công Thức có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị T1, T V và anh M Công Thức tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế (cũ) ngày 08/5/2023. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị V và anh T là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau được một thời gian ngắn thì chị V trở lại Hoa Kỳ để làm ăn, sinh sống. Do khoảng cách địa lý, chệnh lệch về thời gian nên hai người không còn quan tâm, chăm sóc nhau, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Chị V và anh T đều xác định mâu thuẫn vợ chồng không thể khắc phục được, tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án không tổ chức hòa giải. Anh T đồng ý ly hôn chị V. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa chị V, anh T đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị V theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị T1, T V và anh M Công Thức trình bày vợ chồng không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T1, Thi Thuy V, anh M Công Thức không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị T1, Thi Thuy V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 238, Điều 464, khoản 1 Điều 469; Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị T1, Thi Thuy V.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị T1, Thi Thuy V được ly hôn anh M Công Thức.

2. Về con chung: Chị T1, T V và anh M Công Thức trình bày vợ chồng không có con chung, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị T1, Thi Thuy V, anh M Công Thức không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị T1, Thi Thuy V phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001512 ngày 08/5/2026 của Thi hành án dân sự thành phố H. Chị T1, Thi Thuy V đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn chị T1, Thi Thuy V có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ. Bị đơn anh M Công Thức có

quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 8, 36, 71 và 72 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 34 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Huế;
- VKSND khu vực 4-Huế;
- THADS thành phố Huế;
- Đương sự;
- UBND xã Phú Lộc (*ĐKKH ngày 18/5/2023 tại UBND huyện Phú Lộc cũ)*;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đoàn Anh Nga